

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

(Ban hành kèm theo Quyết định số 132/QĐ-ĐHTĐ ngày 25 tháng 3 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Đô)

Tên chương trình : **Truyền thông đa phương tiện**
Trình độ đào tạo : **Đại học**
Ngành đào tạo : **Truyền thông đa phương tiện**
Mã số : **7320104**
Loại hình đào tạo : **Chính quy tập trung**
Thời gian đào tạo : **3,5 năm**

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo Đại học ngành *Truyền thông đa phương tiện* nhằm đào tạo Cử nhân có phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống lành mạnh; có kiến thức cơ bản về chính trị, xã hội, văn hoá; có trình độ lý thuyết và kỹ năng tác nghiệp về truyền thông như: phóng viên, cộng tác viên, thông tin viên, biên tập viên... cho các cơ quan truyền thông đại chúng như báo in, đài phát thanh, đài truyền hình, báo điện tử, hãng thông tấn, các cơ quan xuất bản, quảng cáo, quan hệ công chúng, nhà xuất bản, công ty, tổ chức kinh tế; có tác phong làm việc kỷ luật, khoa học; có tinh thần cầu tiến trên cơ sở nhận thức đầy đủ về vai trò - vị trí xã hội của truyền thông đại chúng.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Kiến thức

Sau 3,5 năm được đào tạo, các cử nhân ngành *Truyền thông đa phương tiện* được trang bị một cách hệ thống, khoa học, thực tế nhưng kiến thức sau:

- Kiến thức đại cương: sinh viên (SV) được trang bị những kiến thức cơ bản về Triết học Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kiến thức giáo dục quốc phòng, giáo dục thể chất, pháp luật đại cương...

- Kiến thức cơ sở ngành: trang bị cho SV những kiến thức chung về pháp luật, về truyền thông, mô hình của truyền thông hội tụ, ngôn ngữ báo chí, đạo đức của người làm báo chí truyền thông.

- Kiến thức chuyên ngành: trang bị cho SV kiến thức về báo in và xuất bản, hoạt động nghiệp vụ truyền thông, kiến thức về công nghệ thông tin như xử lý hình ảnh báo



chí, trang báo, thiết kế website, quay phim, ảnh báo chí, viết tin, viết kịch bản, quảng cáo,
...

- Sinh viên hiểu và có khả năng vận dụng các học thuyết và nguyên tắc của nghệ thuật giao tiếp, truyền thông liên cá nhân và truyền thông qua phương tiện đại chúng để truyền thông một cách hiệu quả bằng lời viết, lời nói và các dạng thức khác.

- Thể hiện sự hiểu biết về các khái niệm và học thuyết cơ bản về truyền thông đại chúng (vai trò của báo chí truyền thông trong đời sống xã hội, chức năng cơ bản của truyền thông, các nguyên tắc về đạo đức truyền thông...) để có thể trở thành nhà truyền thông và nhà báo chuyên nghiệp.

1.2.2. Kỹ năng

- Có kỹ năng cơ bản trong sử dụng các phương tiện kĩ thuật và công nghệ mới trong hoạt động truyền thông đại chúng, thể hiện khả năng thích nghi trong môi trường hoạt động nghề nghiệp đa phương tiện và kĩ thuật số.

- Có kỹ năng sử dụng thành thạo máy quay phim, máy ảnh, máy ghi âm..., sử dụng các phần mềm xử lí thông tin ở cấp độ cơ bản. Kĩ năng thu thập và thẩm định thông tin.

- Có khả năng thu thập, thẩm định, phân tích thông tin bằng các cách thức như phỏng vấn, quan sát, thu thập tài liệu gốc hoặc tài liệu thứ cấp một cách thành thạo. Có năng lực cơ bản trong điều tra tìm kiếm thông tin độc lập, tổ chức các cuộc phỏng vấn độc lập để thu thập, phân tích, tổ chức, tổng hợp thông tin (chữ viết, hình ảnh, số liệu).

- Có kỹ năng thành thạo trong xử lí và tổ chức thông tin theo hình thức của các thể loại báo chí, phục vụ viết đăng tải, phát sóng trên các phương tiện truyền thông đại chúng (báo in, phát thanh, truyền hình, báo mạng điện tử).

- Có kỹ năng biên tập thành thạo đối với tác phẩm của mình và của người khác theo từng loại hình báo chí và thể loại tác phẩm khác nhau.

- Có kỹ năng cơ bản trong việc thiết kế trình bày ấn phẩm truyền thông, hoặc xây dựng chương trình phát thanh-truyền hình.

- Có khả năng tác nghiệp linh hoạt trong các loại hình báo chí, và tác nghiệp các thể loại báo chí.

1.2.3. Thái độ

- Phẩm chất chính trị trong sáng, vững vàng. Tuân thủ pháp luật, các chính sách chủ trương của Đảng và Nhà nước.

- Có thái độ và đạo đức nghề nghiệp đúng đắn, công bằng, trung thực và trách nhiệm, cảm thông, chia sẻ với đồng nghiệp.

- Sẵn sàng đương đầu với khó khăn.

- Có tác phong làm việc chủ động, chuyên nghiệp, tự tin, linh hoạt.

- Có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo, kiên trì, chăm chỉ, nhiệt tình, say mê công việc.

15/1 E - X/1

- Có văn hóa ứng xử văn minh, đúng mực của người hoạt động trong lĩnh vực truyền thông.

- Giữ gìn, quảng bá trong và ngoài nước những hình ảnh đẹp về đất nước và con người Việt Nam .

1.2.4. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp, Cử nhân ngành *Truyền thông đa phương tiện* có khả năng đảm nhận công việc ở các cơ quan, tổ chức báo chí, truyền thông, xuất bản và các cơ quan thuộc các lĩnh vực khác. Cụ thể:

- **Các cơ quan báo chí – truyền thông:** phóng viên, biên tập viên, thông tin viên, bình luận viên, phát thanh viên, người sản xuất chương trình, người dẫn chương trình, chuyên viên quảng cáo, chuyên viên đối ngoại, cộng tác viên.

- **Các đơn vị xuất bản sách, tạp chí:** thiết kế, trình bày sách, biên tập, công tác xuất bản.

- **Các công ty, tổ chức kinh tế:** thông tin viên, chuyên viên tổ chức sự kiện, chuyên viên quảng cáo, chuyên viên giao tế cộng đồng (PR), chuyên viên đối ngoại, quản trị website, quản trị thương hiệu, chăm sóc khách hàng.

- **Các trường đại học, cao đẳng và viện nghiên cứu:** cán bộ giảng dạy, cán bộ nghiên cứu về truyền thông đa phương tiện.

- **Các cơ quan quản lý báo chí - truyền thông:** làm việc tại các cơ quan tuyên giáo của các cấp ủy Đảng; các cơ quan quản lý nhà nước về báo chí, truyền thông ở trung ương và các địa phương.

- Ngoài ra, cử nhân ngành *Truyền thông đa phương tiện* còn có thể đảm nhận công việc hành chính, quản trị văn phòng tại các cơ quan, đơn vị Nhà nước và tư nhân có nhu cầu truyền thông, quảng bá, tiếp thị, quan hệ công chúng.

1.2.5. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp cử nhân *Truyền thông đa phương tiện*, người học có thể học lên Thạc sĩ, Tiến sĩ truyền thông, báo chí hoặc các ngành thuộc lĩnh vực khoa học Xã hội và Nhân văn.

1.2.6. Trình độ tin học, ngoại ngữ

- Tin học: Chứng chỉ Công nghệ thông tin Nâng cao.

- Ngoại ngữ: tiếng Anh B1 (khung 6 bậc) hoặc các chứng chỉ quốc tế tương đương: IELTS 4.0, TOEFL ITP 450, TOEIC 450.

2. Chuẩn đầu ra

2.1. Chuẩn về kiến thức

2.1.1. Kiến thức đại cương

- Trang bị kiến thức về nguyên lý chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối Đảng Cộng sản Việt Nam.

- Trang bị được những kiến thức cơ bản về pháp luật đại cương, pháp luật về truyền thông, tin học, văn hóa, xã hội học, ngoại ngữ.

2.1.2. Kiến thức cơ sở ngành

- Sinh viên hiểu và thể hiện được nhận thức của mình về nền tảng khoa học xã hội và nhân văn, đặc biệt là các lĩnh vực chính trị học, tâm lý học, xã hội học, lịch sử và kinh tế.

- Hiểu về vai trò của các lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn trong đời sống xã hội, đặc biệt là trong thời đại kỹ thuật số, hội nhập và toàn cầu hóa.

2.1.3. Kiến thức chuyên ngành

- Sinh viên hiểu và có khả năng vận dụng các học thuyết và nguyên tắc của nghệ thuật giao tiếp, truyền thông liên cá nhân và truyền thông qua phương tiện đại chúng để truyền thông một cách hiệu quả bằng lời viết, lời nói và các dạng thức khác.

- Hiểu được những vấn đề cơ bản, cốt lõi của Luật pháp và Đạo đức báo chí truyền thông trong hoạt động tác nghiệp.

- Sinh viên hiểu và phân tích được vai trò, thế mạnh của các kênh truyền thông đại chúng trong xã hội. Hiểu được các lĩnh vực nghề nghiệp khác nhau và công việc trong ngành công nghiệp truyền thông.

- Hiểu được mô hình hoạt động của các cơ quan báo chí truyền thông và vai trò, nhiệm vụ của các cá nhân trong tổ chức hoạt động đó.

- Thể hiện sự hiểu biết về các khái niệm và học thuyết cơ bản về truyền thông đại chúng (vai trò của báo chí truyền thông trong đời sống xã hội, chức năng cơ bản của truyền thông, các nguyên tắc về đạo đức báo chí...) để có thể trở thành nhà truyền thông và nhà báo chuyên nghiệp.

- Nắm vững kiến thức cơ bản về các thành tố và nguyên tắc trong việc thiết kế trình bày báo in, trang website, hay xây dựng chính thể chương trình Phát thanh - Truyền hình.

- Hiểu rõ mô hình tổ chức và quy trình hoạt động của tòa soạn báo chí hoặc cơ quan truyền thông.

- Có khả năng áp dụng thành thạo các kiến thức, kỹ năng đã học vào thực tiễn nghề nghiệp dưới sự dẫn dắt của các nhà báo, chuyên gia truyền thông.

- Bước đầu có khả năng thích ứng với môi trường làm việc nhiều áp lực của tòa soạn báo chí. Áp dụng linh hoạt các kỹ năng giao tiếp cơ bản với nguồn tin, đồng nghiệp, ban biên tập. Bước đầu có khả năng phối hợp làm việc với nhóm/êkip sản xuất chương trình/ tác phẩm báo chí.

2.2. Chuẩn về kỹ năng

2.2.1. Kỹ năng chuyên môn

- Có kỹ năng cơ bản trong sử dụng các phương tiện kỹ thuật và công nghệ mới trong hoạt động truyền thông đại chúng, thể hiện khả năng thích nghi trong môi trường hoạt động nghề nghiệp đa phương tiện và kỹ thuật số.

- Có kỹ năng sử dụng thành thạo máy quay phim, máy ảnh, máy ghi âm..., sử dụng các phần mềm xử lý thông tin ở cấp độ cơ bản.

- Có khả năng thu thập, thẩm định, phân tích thông tin bằng các cách thức như phỏng vấn, quan sát, thu thập tài liệu gốc hoặc tài liệu thứ cấp một cách thành thạo.

- Có năng lực cơ bản trong điều tra tìm kiếm thông tin độc lập, tổ chức các cuộc phỏng vấn độc lập để thu thập, phân tích, tổ chức, tổng hợp thông tin (chữ viết, hình ảnh, số liệu). □

- Có kỹ năng thành thạo trong xử lý và tổ chức thông tin theo hình thức của các thể loại báo chí, phục vụ viết đăng tải, phát sóng trên các phương tiện truyền thông đại chúng (báo in, phát thanh, truyền hình, báo mạng điện tử). □

- Có kỹ năng biên tập thành thạo đối với tác phẩm của mình và của người khác theo từng loại hình báo chí và thể loại tác phẩm khác nhau. □

- Có kỹ năng cơ bản trong việc thiết kế trình bày ấn phẩm truyền thông, hoặc xây dựng chương trình phát thanh-truyền hình.

- Có khả năng tác nghiệp linh hoạt trong các loại hình báo chí, và tác nghiệp các thể loại báo chí.

2.2.2. Kỹ năng mềm

- Thích ứng nhanh với sự thay đổi môi trường sống và làm việc. Có kỹ năng hội nhập và học tập suốt đời.

- Sắp xếp kế hoạch công việc khoa học và hợp lý. Kỹ năng làm việc dưới áp lực thời gian và hạn chót của công việc.

- Phân tích được phẩm chất của đồng nghiệp để trao đổi, học hỏi.

- Chủ động, tích cực trong khi làm việc cùng ekip để sản xuất sản phẩm truyền thông.

- Hiểu được quy trình và các công đoạn sáng tạo tác phẩm truyền thông để phối hợp với các bộ phận chuyên trách các mảng công việc khác nhau.

- Biết tổ chức, phân công công việc trong nhóm/ đơn vị.

- Có khả năng tham gia đánh giá hoạt động của cá nhân và tập thể.

- Có kỹ năng giao tiếp chuyên nghiệp với các cá nhân và tổ chức để phục vụ tác nghiệp báo chí truyền thông.

2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Có lập trường tư tưởng rõ ràng; yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội; chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước; có ý thức trách nhiệm công dân trong việc tham gia các hoạt động chính trị - xã hội.

- Có thái độ trung thực, khách quan trong học tập và nghiên cứu khoa học nói chung và lĩnh vực truyền thông nói riêng.

- Có ý thức giữ gìn, bảo tồn, quảng bá và phát huy các giá trị văn hoá truyền thống dân tộc.

- Có ý thức tổ chức kỷ luật và tinh thần trách nhiệm trong công tác; làm việc khoa học, biết đoàn kết, hợp tác và học hỏi kinh nghiệm của đồng nghiệp.

- Có đạo đức kinh doanh; hành xử chuyên nghiệp và trách nhiệm trong mọi hành vi ứng xử với khách hàng, đối tác, đồng nghiệp và cộng đồng.

- Không ngừng học tập nhằm nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tiếp tục theo học các chương trình đào tạo trình độ cao hơn.

2.4. Ngoại ngữ, tin học

- Tin học: Chứng chỉ Công nghệ thông tin nâng cao.

- Ngoại ngữ: tiếng Anh B1 (khung 6 bậc) hoặc các chứng chỉ quốc tế tương (IELTS 4.0, TOEFL ITP 450, TOEIC 450).

3. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 130 tín chỉ

(Chưa tính kiến thức Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng)

4. Đối tượng tuyển sinh

Theo Quy chế tuyển sinh Đại học, Cao đẳng hệ chính quy ban hành kèm theo Quyết định số 05/2008/QĐ – BGDĐT ngày 05/02/2008. Mọi công dân Việt Nam có đủ các điều kiện sau đây đều được đăng ký dự tuyển:

– Đã tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương.

– Có đủ sức khỏe để học tập và lao động theo quy định hiện hành của Liên Bộ Y tế - Giáo dục và Đào tạo.

– Nộp đầy đủ, đúng thời hạn các giấy tờ và lệ phí đăng ký dự thi theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

5.1 Quy trình đào tạo

Thực hiện theo Quy chế đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy ban hành theo Quyết định số 43/2007/QĐ – BGDĐT ngày 15/8/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

– Thực hiện theo học chế tín chỉ kết hợp học tập thực tế.

– Quá trình đào tạo được tổ chức theo khóa, năm học và học kỳ. Khóa học được thực hiện 3,5 năm. Một năm có hai học kỳ chính, mỗi học kỳ chính có ít nhất 15 tuần thực học và 3 tuần thi. Ngoài hai học kỳ chính, trường sẽ tổ chức thêm một học kỳ hè để cho những sinh viên thi không đạt ở các học kỳ chính được học lại. Học kỳ hè có ít nhất 5 tuần thực học và 1 tuần thi.

5.2 Điều kiện tốt nghiệp

Sinh viên được xem xét để công nhận tốt nghiệp nếu hội đủ các điều kiện theo quy định của Bộ GD&ĐT như sau:

- Tích lũy đủ số học phần quy định theo chương trình đào tạo và điểm trung bình tích lũy toàn khóa học từ 2,00 trở lên;
- Điểm thi học phần thay thế tốt nghiệp hoặc bảo vệ khóa luận tốt nghiệp đạt theo quy định chung của Trường;
- Tính đến thời điểm xét tốt nghiệp, SV không có học phần nào bị điểm dưới 4,0 (loại F);
- Có đủ các chứng chỉ Giáo dục quốc phòng và Giáo dục thể chất.
- Điểm Thực tập tốt nghiệp, khóa luận tốt nghiệp, hoặc thi môn học thay thế đều được tính vào điểm trung bình chung học tập toàn khóa của SV.

6. Cách thức đánh giá

Thực hiện đánh giá và cho điểm quá trình kiểm tra, thi học kỳ, thi tốt nghiệp theo quyết định số 43/2007/QĐ – BGD&ĐT ngày 15/8/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và qui định chung của Trường.

Điểm số theo thang điểm 10	Điểm chữ	Điểm số theo thang điểm 4
9,0 – 10,0	A	4,0
8,0 – 8,9	B+	3,5
7,0 – 7,9	B	3,0
6,5 – 6,9	C+	2,5
5,5 – 6,4	C	2,0
5,0 – 5,4	D+	1,5
4,0 – 4,9	D	1,0
nhỏ hơn 4,0	F	0,0

7. Nội dung chương trình đào tạo: 130 TC

(Chưa bao gồm 08 TC Giáo dục quốc phòng và 03TC Giáo dục thể chất)

+	Kiến thức giáo dục đại cương <ul style="list-style-type: none"> ▪ Bắt buộc ▪ Tự chọn 	26 TC 24 TC 2 TC
+	Kiến thức cơ sở ngành <ul style="list-style-type: none"> ▪ Bắt buộc ▪ Tự chọn 	22 TC 18 TC 4 TC
+	Kiến thức chuyên ngành <ul style="list-style-type: none"> ▪ Bắt buộc 	70 TC 58 TC

	▪ Tự chọn	12 TC
+	Thực tập, thực hiện khóa luận (hoặc tiểu luận và học thay thế)	12 TC
	▪ Bắt buộc	4TC
	▪ Tự chọn	8TC

7.1 Kiến thức giáo dục đại cương: 26 tín chỉ

STT	Mã học phần	Tên môn học	Tín chỉ	LT	TH
<i>Bắt buộc: 24TC</i>					
1	0301001769	Triết học Mác - Lênin	3	3	
2	0301001825	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2	
3	0301001826	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	
4	0301001827	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	
5	0301000665	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	
6	0301000946	Tiếng Anh định hướng Toeic 1	4	4	
7	0301000947	Tiếng Anh định hướng Toeic 2	4	4	
8	0301001035	Giáo dục thể chất 1 - Bóng chuyền	1		1
	0301001036	Giáo dục thể chất 1 - Bóng đá			
	0301001037	Giáo dục thể chất 1 - Cầu lông			
9	0301000660	Giáo dục thể chất 2 - Bóng chuyền	1		1
	0301001038	Giáo dục thể chất 2 - Bóng đá			
	0301001039	Giáo dục thể chất 2 - Cầu lông			
10	0301001030	Giáo dục thể chất 3 - Bóng chuyền	1		1
	0301000661	Giáo dục thể chất 3 - Bóng đá			
	0301000662	Giáo dục thể chất 3 - Cầu lông			
11	0301000650	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	8	4	4
12	0301000667	Pháp luật đại cương	2	2	
13	0301001673	Tin học căn bản	3		3
<i>Tự chọn: 2 TC</i>					
14	0301000643	Xã hội học đại cương	2	2	
15	0301000487	Tâm lí học đại cương	2	2	
16	0301000284	Lịch sử văn minh thế giới	2	2	
		Tổng cộng	26+11		

7.2 Kiến thức cơ sở ngành: 22 tín chỉ

STT	Mã học phần	Tên môn học	Tín chỉ	LT	TH
<i>Bắt buộc: 18 TC</i>					
17	0310002091	Nhập môn truyền thông đa phương tiện	2	2	
18	0310002184	Ngôn ngữ truyền thông	2	2	
19	0310002185	Mô hình truyền thông hội tụ	2	2	
20	0310002183	Pháp luật và đạo đức báo chí truyền thông	2	2	
21	0310000317	Mĩ học đại cương	2	2	
22	0310000060	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	2	
23	0310001603	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	2	
24	0310000549	Tiếng Việt thực hành	2	2	
25	0310001218	Quan hệ công chúng đại cương	2	2	
<i>Tự chọn: 4 TC</i>					
26	0301002289	Cơ sở dữ liệu đa phương tiện	2	2	
27	0301000714	Văn học Việt Nam đại cương	2	2	
28	0301002290	Nguyên lí lí luận Văn học	2	2	
29	0301002203	Soạn thảo văn bản hành chính	2	2	
		Tổng cộng	22	22	

7.3 Kiến thức chuyên ngành: 70 tín chỉ

STT	Mã học phần	Tên môn học	Tín chỉ	LT	TH
<i>Bắt buộc: 58 TC</i>					
31	0310000568	Tổ chức sự kiện	2	1	1
32	0310002226	Tác phẩm và thể loại báo chí	2	2	
33	0310002291	Tin và cách viết tin đa phương tiện	2	1	1
34	0310002292	Kỹ năng thực hiện phóng sự theo hướng đa phương tiện	3	2	1
35	0310002228	Phóng vấn, ghi nhanh và tường thuật	3	2	1
36	0310002293	Phim tài liệu và kí sự truyền hình	3	2	1
37	0310002294	Dựng hình 2D - 3D	3	2	1
38	0310002295	Sản xuất chương trình Phát thanh theo	2	1	1

		hướng đa phương tiện			
39	0310002296	Sản xuất chương trình Truyền hình theo hướng đa phương tiện	2	1	1
40	0310002297	Kỹ thuật quay phim, chụp ảnh và xử lý hậu kỳ	3	2	1
41	0310002225	Kỹ năng dẫn chương trình	2	1	1
42	0310002298	Kỹ năng làm báo điện tử theo hướng đa phương tiện	3	3	
43	0310000015	Biên tập văn bản báo chí	2	2	
44	0310001832	Truyền thông Marketing	3	2	1
45	0310002299	Thiết kế web	3	2	1
46	0310002300	Kỹ thuật photoshop	3	2	1
47	0310002229	Đối thoại truyền hình	2	1	1
48	0310002301	Phát triển ứng dụng trên thiết bị di động	3	2	1
49	0310002302	Thực tế - Truyền thông đa phương tiện	2		2
50	0310002303	Niên luận - Truyền thông đa phương tiện	2		2
51	0310002304	Truyền hình thực tế	2	1	1
52	0310002305	Anh văn chuyên ngành truyền thông	2	2	
53	0310002306	Biên tập Audio Video	2	2	
54	0310001832	Sản xuất chương trình livestream	2	1	1
<i>Tự chọn: 12 tín chỉ</i>					
55	0310002308	Thiết kế quảng cáo truyền hình	2	2	
56	0310002309	Thiết kế ấn phẩm báo chí	2	2	
57	0310002310	Kỹ năng sản xuất trailer	2	2	
58	0310002311	Kỹ thuật dựng phi tuyến	2	2	
59	0310002312	Kịch bản truyền hình	2	2	
60	0310002315	Tiếp thị số	2	2	
61	0310002313	Nghệ thuật chữ	2	2	
62	0310000333	Nghệ thuật quảng cáo	2	2	
63	0310002314	Marketing địa phương	2	2	
		Tổng cộng	70		

7.4 Thực tập và thực hiện Khóa luận, Tiểu luận tốt nghiệp: 12 tín chỉ

STT	Mã học phần	Tên môn học	Tín chỉ	LT	TH
Bắt buộc: 4 TC					
64	0301002316	Thực tập tốt nghiệp - TTĐPT	4		4
* Tự chọn: 8 TC					
65	0301002317	Khóa luận tốt nghiệp - TTĐPT	8		8
66	0301002318	Tiểu luận tốt nghiệp - TTĐPT	4		4
67	0301002319	Lập trình trò chơi đa phương tiện	2	2	
68	0301002320	Tổ chức và hoạt động của các cơ quan báo chí, truyền thông.	2	2	
69	0301002321	Kinh doanh xuất bản phẩm	2	2	
70	0301000461	Quản trị thương hiệu	2	2	
		Tổng cộng	12		
* Ghi chú:					
- Sinh viên không thực hiện <i>Khóa luận tốt nghiệp</i> sẽ thực hiện <i>Tiểu luận tốt nghiệp (4 TC)</i> và học bổ sung 2 học phần (4 TC) trong danh mục các học phần tự chọn.					
- 01 tín chỉ lý thuyết: 15 tiết; 01 tín chỉ thực hành: 30 tiết.					

8. Kế hoạch giảng dạy (Dự kiến)

TT	Tên học phần	Số TC	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH
HỌC KỲ 1: 11 TC						
Bắt buộc: 22						
1	Pháp luật đại cương	2	2		30	
2	Giáo dục thể chất 1(*)	1	1			30
3	Tin học căn bản	3	3			
4	Tiếng Việt thực hành	2	2		30	
5	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	2		30	
6	Nhập môn truyền thông ĐPT	2	2		30	
7	Xã hội học đại cương	2	2			
8	Tâm lý học đại cương	2				
9	Lịch sử văn minh thế giới	2				
	Cộng	13+1	18			
HỌC KỲ 2: 21						
Bắt buộc: 17 TC						

1	Triết học Mác - Lênin	3	3		30	
2	Giáo dục Quốc phòng- An ninh	8	8		60	120
3	Giáo dục thể chất 2(*)	1		1		30
4	Ngôn ngữ truyền thông	2	2		30	
5	Mĩ học đại cương	2	2		30	
6	Quan hệ công chúng đại cương	2	2		30	
7	Pháp luật và đạo đức báo chí truyền thông	2	2		30	
8	Mô hình truyền thông hội tụ	2	2		30	
9	Tác phẩm và thể loại báo chí	2	2		30	
10	Tiếng Anh định hướng Toeic 1	4	4		60	
	Cộng	19+9	19			
HỌC KỲ 3: 21 TC						
Bắt buộc: 19 TC						
1	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2		30	
2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2		30	
3	Tiếng Anh định hướng Toeic 2	4	4		60	
4	Giáo dục thể chất 3(*)	1	1			30
5	Kỹ năng dẫn chương trình	2	2		15	30
6	Tổ chức sự kiện	2	2		15	30
7	Phòng vấn, ghi nhanh và tường thuật	3	3		45	
8	Phương pháp NCKH	2	2		30	
Tự chọn: 4 TC						
8	Cơ sở dữ liệu đa phương tiện	2		2	30	
9	Văn học Việt Nam đại cương	2		2	30	
10	Nguyên lí lí luận Văn học	2		2	30	
11	Soạn thảo văn bản hành chính	2		2	30	
	Cộng	21+1	16	5		
HỌC KỲ 4: 21 TC						
Bắt buộc: 17 TC						
1	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2		30	
2	Kỹ thuật quay phim, chụp ảnh và xử lí hậu kì	3	3		30	30
3	Tin và cách viết tin đa phương tiện	2	2		15	30

4	Đổi thoại truyền hình	2	2		15	30
5	Kỹ thuật photoshop	3	3		15	60
6	Kỹ năng thực hiện phỏng sự theo hướng đa phương tiện	3	3		30	30
7	Sản xuất chương trình phát thanh theo hướng đa phương tiện	2	2		15	30
Tự chọn: 4 TC						
8	Nghệ thuật quảng cáo	2		2	30	
9	Marketing địa phương	2		2	30	
10	Nghệ thuật chữ	2		2	30	
	Cộng	21	17	4	210	150
HỌC KỲ 5:						
Bắt buộc: 15 TC						
1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2		30	
2	Biên tập Audio	2	2		30	
3	Dựng hình 2D-3D	3	3		30	30
4	Sản xuất chương trình truyền hình theo hướng đa phương tiện	2	2		15	30
5	Niên luận - Truyền thông ĐPT	2	2			30
6	Anh văn chuyên ngành	2	2			
7	Sản xuất chương trình livestream	2	2		15	30
8	Biên tập văn bản báo chí	2	2		30	
Tự chọn: 6 TC						
8	Kỹ thuật dựng phi tuyến	2		2	30	
9	Kỹ năng sản xuất trailer	2		2	30	
10	Thiết kế quảng cáo truyền hình	2		2	30	
11	Kịch bản truyền hình	2		2	30	
12	Quay phim và chụp ảnh nâng cao	2		2	30	
	Cộng	23	15	6		
HỌC KỲ 6						
Bắt buộc: 15 TC						
1	Phát triển ứng dụng trên thiết bị di động	3	3		30	30
2	Kỹ năng làm báo điện tử theo hướng đa phương tiện	3	3		45	

100%

3	Phim tài liệu và kí sự truyền hình	3	3		30	30
4	Thiết kế web	3	3		30	30
5	Thực tế - Truyền thông đa phương tiện	2	2			60
6	Truyền hình thực tế	2	2		15	30
7	Truyền thông marketing	3	3		30	30
Tự chọn: 2 TC						
8	Thiết kế ấn phẩm báo chí	2		2	30	
9	Tiếp thị số	2		2		
	Cộng	23	20	2		
HỌC KỲ 7: 12 TC						
1	Thực tập tốt nghiệp	4	4			120
3	Khoá luận tốt nghiệp	8		8		240
4	Tiểu luận tốt nghiệp	4		4		120
5	Lập trình trò chơi đa phương tiện	2		2	15	30
6	Tổ chức và hoạt động của các cơ quan báo chí, truyền thông	2		2		
7	Kinh doanh xuất bản phẩm	2		2		
8	Quản trị thương hiệu	2		2		
	Cộng	12	4	8		

9. Hướng dẫn thực hiện chương trình

9.1. Cách quy đổi giờ

Giờ quy đổi được tính như sau:

- + 1 tín chỉ (TC) = 15 tiết giảng lý thuyết (Các học phần lý thuyết)
 - = 30 đối với học phần thực tập, thực hành
 - = 60 thực tập tốt nghiệp tại đơn vị thực tập
- + Số tiết của các học phần là bội số của 15
- + Một tiết giảng là 50 phút.

9.2. Chương trình ngành *Truyền thông đa phương tiện* được thiết kế theo đơn ngành

Chương trình này được biên soạn trên cơ sở tuân thủ các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Ngoài các học phần bắt buộc, Trường đã thiết kế các học phần còn lại cho phù hợp với chuyên ngành đào tạo và chuẩn đầu ra.

